

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN THUẾ VỤ

Mục Lục

KIẾN THỨC CHUNG:.....	3
Câu 1: Nêu các khái niệm về thuế? Tại sao nói nộp thuế là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân? ...	3
Câu 2: Kể tên các đặc điểm của thuế? Phân tích đặc điểm quan trọng nhất của thuế?.....	3
Câu 3: Tại sao nói thuế là khoản đóng góp không mang tính hoàn trả trực tiếp?.....	3
Câu 4: Trong cơ chế thị trường, thuế có những vai trò gì? Phân tích vai trò quan trọng nhất của thuế?.....	4
Câu 5: Tại sao nói thuế góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế?.....	4
Câu 6: Hệ thống thuế ở Việt Nam hiện nay có những sắc thuế cơ bản nào?.....	4
Câu 7: Có những tiêu thức nào để phân loại các sắc thuế, trình bày cách phân loại theo một tiêu thức?	4
Câu 8: Thế nào là phí, lệ phí? So sánh sự giống và khác nhau giữa phí và lệ phí?	5
Câu 9: So sánh sự giống và khác nhau giữa thuế và phí? Thuế và lệ phí?.....	5
THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU	6
Câu 1: Khái niệm, mục đích của thuế XNK?	6
Câu 2: Đối tượng chịu thuế XNK? Đối tượng không chịu thuế XNK?.....	6
Câu 3: Đối tượng nộp thuế XNK được quy định như thế nào?.....	6
Câu 4: Công thức xác định thuế XNK?.....	7
Câu 5: Giá tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu được xác định theo nguyên tắc nào? Đồng tiền sử dụng khi xác định trị giá tính thuế?.....	7
Câu 6: Có mấy phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu? Kể tên.....	8
Câu 7: Trình bày phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu?.....	8
Câu 8: Có mấy loại thuế suất thuế nhập khẩu? Đối tượng áp dụng đối với mỗi loại thuế suất?	9
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT	9
Câu 1: Khái niệm, đặc điểm, mục đích của thuế TTĐB?	9
Câu 2: Đặc điểm của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB? Đối tượng chịu thuế TTĐB?	10
Câu 3: Đối tượng không phải chịu thuế TTĐB được quy định như thế nào?	10
Câu 4: Đối tượng nộp thuế TTĐB được quy định như thế nào?	11

Câu 5: Trình bày công thức xác định thuế TTĐB?.....	11
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	12
Câu 1: Khái niệm, đặc điểm của thuế GTGT?.....	12
Câu 2: Đối tượng chịu thuế GTGT? Đối tượng nộp thuế GTGT?	12
Câu 3: Giá tính thuế GTGT được quy định như thế nào? (trình bày 5 trường hợp cơ bản nhất). Thời điểm để xác định giá tính thuế GTGT?.....	12
Câu 4: Thuế GTGT có mấy mức thuế suất? Những nhóm hàng hoá, dịch vụ chủ yếu áp dụng đối với mỗi mức thuế suất?.....	13
Câu 5: Trình bày nội dung phương pháp tính trực tiếp trên GTGT?.....	13
Câu 6: Trình bày đối tượng áp dụng và cách tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế?	14
Câu 7: Điều kiện và nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào được quy định như thế nào? (trình bày 3 điều kiện và 3 nguyên tắc cơ bản nhất).	15
Câu 8: Sự khác nhau giữa hàng hoá không chịu thuế GTGT và hàng hoá chịu thuế GTGT thuế suất 0%?	16
Câu 9: Trình bày nội dung 4 trường hợp hoàn thuế GTGT phổ biến nhất?.....	16
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	16
Câu 1: Khái niệm, mục đích của thuế TNDN?.....	16
Câu 2: Đối tượng nộp thuế TNDN được quy định như thế nào?	17
Câu 3: Căn cứ tính thuế TNDN? Kỳ tính thuế TNDN? Công thức xác định thuế TNDN?	17
Câu 4: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được quy định như thế nào? Thời điểm xác định doanh thu?.....	17
Câu 5: Nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?	18
Câu 6: Thế nào là lỗ và chuyển lỗ trong luật thuế TNDN?.....	18
Câu 7: Thuế suất thuế TNDN được quy định như thế nào?	18

KIẾN THỨC CHUNG:

Câu 1: Nêu các khái niệm về thuế? Tại sao nói nộp thuế là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân?

❖ Khái niệm về thuế:

Trong cuốn từ điển kinh tế của hai tác giả người Anh cho rằng:

“Thuế là một biện pháp của chính phủ đánh trên thu nhập, của cải và vốn nhận được của cá nhân hay doanh nghiệp (thuế trực thu), trên việc chi tiêu về hàng hóa và dịch vụ (thuế gián thu) và trên tài sản”.

Trong giáo trình thuế - học viện Tài chính:

“Thuế là một khoản chuyển giao thu nhập bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, nhằm sử dụng cho mục đích công cộng”.

❖ Thuế là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân:

- Thuế luôn được ban hành bằng các văn bản pháp luật nên mọi công dân phải có nghĩa vụ về mặt pháp lí là thực hiện các luật thuế theo quy định.

- Việc nộp thuế và tạo ra quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để sau đó chúng được chi tiêu cho hàng hoá công cộng như nền hoà bình, môi trường trong sạch, đường xá, bệnh viện, trường học... đó là quyền lợi của người nộp thuế.

Câu 2: Kể tên các đặc điểm của thuế? Phân tích đặc điểm quan trọng nhất của thuế?

- Thuế có 3 đặc điểm sau:

+ Tính bắt buộc

+ Tính không hoàn trả trực tiếp

+ Tính pháp lý cao

- Trong đó, tính bắt buộc là đặc điểm quan trọng nhất của thuế:

+ Chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế không gắn với lợi ích cụ thể của người nộp thuế do đó không thể sử dụng phương pháp tự nguyện.

+ Phần lớn hàng hoá công cộng do nhà nước sản xuất và cung cấp nhưng không ai tự nguyện trả tiền cho việc thụ hưởng hàng hoá công cộng, do đó để đảm bảo cung cấp hàng hoá công cộng nhà nước phải sử dụng quyền lực chính trị để bắt buộc mọi đối tượng có thu nhập phải chuyển giao.

+ Mặt khác, thuế được quy định bắt buộc nhằm đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế.

+ Tuy nhiên tính bắt buộc của thuế không có nội dung hình sự nghĩa là hành động đóng thuế cho nhà nước không phải là hành động xuất hiện khi có biểu hiện phạm pháp mà hành động đóng thuế là hành động thực hiện nghĩa vụ công dân.

Câu 3: Tại sao nói thuế là khoản đóng góp không mang tính hoàn trả trực tiếp?

Thuế là khoản đóng góp không mang tính hoàn trả trực tiếp, vì:

- Người nộp thuế suy cho cùng sẽ nhận được một phần các dịch vụ công cộng mà nhà nước cung cấp chung cho cộng đồng nhưng giá trị phần dịch vụ đó không nhất thiết bằng với khoản thuế mà họ

nộp cho nhà nước. Và người nộp thuế cũng không có quyền đòi hỏi nhà nước phải cung cấp hàng hoá công cộng trực tiếp cho mình mới phát sinh khoản chuyển giao thu nhập cho nhà nước.

- Mức thuế mà các thể nhân, pháp nhân phải chuyển giao cho nhà nước không hoàn toàn dựa trên mức độ người nộp thuế sử dụng hàng hoá công cộng nhiều hay ít. Mức thuế phải chuyển giao cho nhà nước tùy thuộc vào khả năng và trách nhiệm nộp thuế của các thể nhân và pháp nhân.

Câu 4: Trong cơ chế thị trường, thuế có những vai trò gì? Phân tích vai trò quan trọng nhất của thuế?

- Trong cơ chế thị trường, thuế có 2 vai trò:
 - Huy động nguồn lực tài chính cho nhà nước
 - Điều tiết kinh tế vĩ mô
- Trong đó, huy động nguồn lực tài chính cho nhà nước là vai trò quan trọng nhất: Ngân sách nhà nước có thể được tạo lập từ nhiều nguồn thu khác nhau như: thuế, phí, lệ phí, vay trong nước, vay nước ngoài, viện trợ không hoàn lại, lợi nhuận từ doanh nghiệp nhà nước, phạt, tịch thu, bán tài nguyên và công sản quốc gia, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước... Trong các nguồn thu trên thì thuế là nguồn thu chủ yếu, vì:
 - + Chiếm tỷ trọng cao (75% - 85% trong tổng thu ngân sách nhà nước).
 - + Nguồn thu từ thuế thường xuyên và tương đối ổn định, ít chịu ràng buộc.

Câu 5: Tại sao nói thuế góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế?

Thuế góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế vì:

Vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế có cơ sở nảy sinh từ vai trò huy động nguồn lực tài chính, nhưng chỉ được nhận thức và sử dụng từ những năm đầu của thế kỷ 20 khi vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước được thực hiện. Với vai trò này thuế góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hoá, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và của nền kinh tế, đồng thời góp phần thực hiện công bằng xã hội giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư.

Câu 6: Hệ thống thuế ở Việt Nam hiện nay có những sắc thuế cơ bản nào?

- Hệ thống thuế là tập hợp các sắc thuế của một quốc gia trong một thời điểm nhất định.
- Hệ thống thuế hiện nay của Việt Nam bao gồm các sắc thuế sau:
 1. Thuế giá trị gia tăng
 2. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu
 3. Thuế tiêu thụ đặc biệt
 4. Thuế bảo vệ môi trường
 5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
 6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp
 7. Thuế tài nguyên
 8. Thuế môn bài
 9. Thuế thu nhập doanh nghiệp
 10. Thuế thu nhập cá nhân

Câu 7: Có những tiêu thức nào để phân loại các sắc thuế, trình bày cách phân loại theo một tiêu thức?

- Có 2 tiêu thức để phân loại các sắc thuế:
 - + Theo đối tượng chịu thuế
 - + Theo phương thức đánh thuế

- Phân loại thuế theo đối tượng chịu thuế:
Nếu căn cứ theo đối tượng chịu thuế có thể chia các sắc thuế thành:
 - a. Thuế thu nhập: là loại thuế bao gồm các sắc thuế có đối tượng chịu thuế là thu nhập kiếm được của các công ty hay các cá nhân. Vd: thuế TNDN, thuế TNCN.
 - b. Thuế hàng hoá, dịch vụ (hay còn gọi là thuế tiêu dùng, thuế bán hàng): là loại thuế bao gồm các sắc thuế có đối tượng chịu thuế là hàng hoá, dịch vụ (hay nói cách khác đối tượng chịu thuế là phần thu nhập được mang ra tiêu dùng trong hiện tại thông qua việc mua hàng hoá, dịch vụ). Ví dụ: thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XNK, thuế BVMT.
 - c. Thuế tài sản: là loại thuế bao gồm các sắc thuế có đối tượng chịu thuế là tài sản. Ví dụ: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Câu 8: Thế nào là phí, lệ phí? So sánh sự giống và khác nhau giữa phí và lệ phí?

- Khái niệm:
 - + Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả khi được một tổ chức, cá nhân khác cung cấp dịch vụ được quy định trong danh mục phí đã ban hành kèm theo pháp lệnh phí và lệ phí.
 - + Lệ phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước hoặc tổ chức được uỷ quyền phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong danh mục lệ phí đã ban hành kèm theo pháp lệnh phí và lệ phí.
- So sánh phí và lệ phí:
 - + Giống nhau: Đều mang tính hoàn trả trực tiếp
Đều được quy định bằng pháp lệnh
 - + Khác nhau:

Phí	Lệ phí
Là nguồn thu của ngân sách nước hoặc cá nhân.	Là nguồn thu của ngân sách nhà nước
Nhằm mục đích thu hồi vốn đầu tư	Nhằm mục đích kiểm soát quản lý
Nhằm thoả mãn nhu cầu cá nhân	Thực hiện chức năng công quyền với xã hội

Câu 9: So sánh sự giống và khác nhau giữa thuế và phí? Thuế và lệ phí?

- ❖ *Thuế và phí:*
 - Giống nhau
 - Đều có tính bắt buộc
 - Làm tăng ngân sách nhà nước
 - Chỉ giới hạn trong phạm vi biên giới quốc gia
 - Khác nhau
 - Thuế có tính bắt buộc cao, phí có tính bắt buộc thấp
 - Thuế không có sự lựa chọn, còn phí có sự lựa chọn tự nguyện
 - Thuế bù đắp cho cả hàng hoá dịch vụ mang tính chất vô hình và không hoàn trả trực tiếp, còn phí chỉ bù đắp cho những hàng hóa dịch vụ công cộng hữu hình và hoàn trả trực tiếp
 - Thuế không mang tính chất đối giá, phí mang tính chất đối giá
 - Thuế mang tính pháp lý cao hơn phí, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, phí mang tính pháp lý thấp hơn.
- ❖ *Thuế và lệ phí:*
 - Giống nhau

- Điều là khoản thu của ngân sách nhà nước
- Điều mang tính pháp lý và có giới hạn trong phạm vi quốc gia
- Khác nhau
- Thuế không mang tính tự nguyện còn lệ phí mang tính chất tự nguyện
- Thuế dành cho cả hàng hoá và dịch vụ còn lệ phí chỉ dành cho các dịch vụ hành chính pháp lý
- Thuế có cơ quan thu thuế riêng do nhà nước kiểm soát còn lệ phí là khoản thu nhỏ do cơ quan công quyền địa phương thực hiện mang tính kiểm soát, quản lý của nhà nước cao.
- Thuế không hoàn trả trực tiếp còn lệ phí hoàn trả trực tiếp.

THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

Câu 1: Khái niệm, mục đích của thuế XNK?

- Khái niệm:
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu là một loại thuế gián thu đánh trên hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam.
- Mục đích:
- + Tạo nguồn thu cho NSNN
- + Quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu
- + Bảo hộ sản xuất trong nước
- + Góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại

Câu 2: Đối tượng chịu thuế XNK? Đối tượng không chịu thuế XNK?

- Đối tượng chịu thuế:
- + Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam bao gồm: hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường sông, cảng biển, cảng hàng không, đường sắt liên vận quốc tế, bưu điện quốc tế và địa điểm làm thủ tục hải quan khác được thành lập theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- + Hàng hoá được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.
- + Hàng hoá mua bán, trao đổi khác được coi là hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- Đối tượng không chịu thuế:
- + Hàng hoá vận chuyển quá cảnh hoặc chuyển khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam theo quy định của pháp luật về hải quan.
- + Hàng hoá viện trợ nhân đạo, hàng hoá viện trợ không hoàn lại.
- + Hàng hoá từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài; hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hoá đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác.
- + Hàng hoá là phần dầu khí thuộc thuế tài nguyên của nhà nước khi xuất khẩu.

Câu 3: Đối tượng nộp thuế XNK được quy định như thế nào?

- Đối tượng nộp thuế XNK bao gồm:
- Đối tượng nộp thuế:
- + Chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- + Tổ chức nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu.
- + Cá nhân có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh; gửi hoặc nhận hàng hoá qua cửa khẩu biên giới Việt Nam.

- Đối tượng được uỷ quyền, bảo lãnh và nộp thay thuế:
- + Đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp được đối tượng nộp thuế uỷ quyền nộp thuế XNK.
- + Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thay thuế cho đối tượng nộp thuế.
- + Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của luật các tổ chức tín dụng trong trường hợp bảo lãnh, nộp thay thuế cho đối tượng nộp thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Câu 4: Công thức xác định thuế XNK?

a. Hàng hoá áp dụng thuế tuyệt đối:

$$\text{Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phải nộp} = \text{Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan} \times \text{Mức thuế tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hoá}$$

b. Hàng hoá áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm

$$\text{Thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải nộp} = \text{Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan} \times \text{Trị giá tính thuế tính trên một đơn vị hàng hoá} \times \text{Thuế suất của từng mặt hàng (\%)}$$

Câu 5: Giá tính thuế xuất khẩu, nhập khẩu được xác định theo nguyên tắc nào? Đồng tiền sử dụng khi xác định trị giá tính thuế?

➤ Giá tính thuế XNK được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với hàng hoá xuất khẩu, trị giá tính thuế là giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB hoặc giá DAF), không bao gồm phí bảo hiểm (I) và phí vận tải (F).

- Đối với hàng nhập khẩu, giá tính thuế là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên.

Hàng hoá nhập khẩu có hợp đồng mua bán hàng hoá thì trị giá tính thuế hàng nhập khẩu được xác định theo 6 phương pháp xác định trị giá tính thuế phù hợp cam kết quốc tế với trình tự áp dụng tuần tự 6 phương pháp và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá tính thuế. Các phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu bao gồm:

1. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu.
2. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt.
3. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương đối.
4. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ.
5. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán.
6. Phương pháp suy luận xác định trị giá tính thuế.

Hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hoá và hàng nhập khẩu trong một số trường hợp khác, bộ tài chính có quy định cụ thể việc xác định trị giá tính thuế căn cứ vào nguyên tắc xác định trị giá tính thuế ở trên.

➤ Đồng tiền sử dụng khi xác định trị giá tính thuế:

Đồng tiền được nộp bằng Việt Nam đồng, trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ thì phải nộp bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Việc quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế.

Câu 6: Có mấy phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu? Kể tên.

Có 6 phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu bao gồm:

7. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu.
8. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt.
9. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương đối.
10. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ.
11. Phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá tính toán.
12. Phương pháp suy luận xác định trị giá tính thuế.

Câu 7: Trình bày phương pháp xác định trị giá tính thuế hàng nhập khẩu theo trị giá giao dịch của hàng nhập khẩu?

1. Điều kiện áp dụng:
 - Người mua không bị hạn chế quyền định đoạt hoặc sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu,
 - Giá cả hoặc việc bán hàng không phụ thuộc vào những điều kiện hay các khoản thanh toán mà vì chúng không thể xác định được trị giá của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế.
 - Sau khi bán lại hàng hoá, người nhập khẩu không phải trả thêm bất kì khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hoá mang lại, không kể các khoản điều chỉnh.
 - Người mua và người bán không có mối quan hệ đặc biệt hoặc nếu có thì mối quan hệ đó không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

2. Xác định trị giá tính thuế:

Trị giá giao dịch là giá mà người mua thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán cho hàng hoá được bán để xuất khẩu đến Việt Nam sau khi đã được điều chỉnh theo qui định.

a. Giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán được xác định bằng tổng số tiền người mua đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán trực tiếp hay gián tiếp cho người bán để mua hàng nhập khẩu, bao gồm các khoản sau đây:

- Giá mua ghi trên hoá đơn thương mại. Trường hợp giá mua ghi trên hoá đơn có bao gồm các khoản giảm giá phù hợp thông lệ thương mại quốc tế thì các khoản này được trừ ra để xác định trị giá tính thuế.

- Các khoản tiền người mua phải thanh toán nhưng chưa tính vào giá mua ghi trên hoá đơn thương mại, bao gồm: tiền trả trước, tiền đặt cọc cho việc sản xuất, mua bán, vận chuyển, bảo hiểm hàng hoá và các khoản thanh toán gián tiếp cho người bán như khoản tiền người mua trả cho người thứ ba theo yêu cầu của người bán, khoản tiền được thanh toán bằng cách bù trừ nợ.

b. Các khoản điều chỉnh: bao gồm các khoản phải cộng và các khoản được trừ.

- **Các khoản phải cộng** vào trị giá giao dịch để xác định trị giá tính thuế khi các khoản này phải liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, do người mua chịu và chưa được tính trong giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán. Các khoản phải cộng bao gồm:

- Chi phí hoa hồng bán hàng và phí môi giới

- Chi phí bao bì;

- Chi phí đóng gói;

- Trị giá của hàng hoá, dịch vụ do người mua cung cấp cho người bán miễn phí hoặc giảm giá;

- Tiền bản quyền, phí giấy phép sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ;

- Các khoản tiền mà người mua thu được sau khi định đoạt, sử dụng hàng nhập khẩu được chuyển dưới mọi hình thức cho người bán hàng nhập khẩu;

- Chi phí vận tải, bốc hàng, dỡ hàng, chuyển hàng;
- Chi phí bảo hiểm.
- **Các khoản sau đây được trừ** ra khỏi trị giá giao dịch nếu đã được tính trong giá mua hàng nhập khẩu:
 - Chi phí cho những hoạt động phát sinh sau khi nhập khẩu hàng hoá, bao gồm: chi phí về xây dựng, kiến trúc, lắp đặt, bảo dưỡng hoặc trợ giúp kĩ thuật;
 - Chi phí vận chuyển, bảo hiểm trong nội địa phát sinh sau khi nhập khẩu;
 - Các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp NSNN tính trong giá mua hàng nhập khẩu;
 - Các khoản giảm giá thực hiện trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển ở nước xuất khẩu hàng hoá, được lập thành văn bản và nộp cùng tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu;
 - Các chi phí do người mua chịu, liên quan đến tiếp thị hàng nhập khẩu;
 - Khoản lãi suất theo thoả thuận tài chính của người mua và có liên quan đến việc mua hàng nhập khẩu sẽ được trừ ra khỏi trị giá giao dịch.

Tóm lại:

$$\text{Trị giá tính thuế} = \text{Giá mua trên hoá đơn} + \text{Các khoản tiền người mua phải trả chưa tính vào giá mua trên hoá đơn} + \text{Các khoản điều chỉnh}$$

Câu 8: Có mấy loại thuế suất thuế nhập khẩu? Đối tượng áp dụng đối với mỗi loại thuế suất?

Có 3 loại thuế suất thuế nhập khẩu: thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt, thuế suất thông thường.

- Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam (do bộ thương mại thông báo). Người nộp thuế tự khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất xứ hàng hoá.
- Thuế suất ưu đãi đặc biệt được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại các quyết định của bộ trưởng bộ tài chính.
- Thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu từ nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ không thực hiện ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam.

$$\text{Thuế suất thông thường} = \text{Thuế suất ưu đãi} \times 150\%$$

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Câu 1: Khái niệm, đặc điểm, mục đích của thuế TTĐB?

- Khái niệm: thuế tiêu thụ đặc biệt là một loại thuế gián thu, đánh vào một số loại hàng hoá dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục do nhà nước quy định.
- Đặc điểm:
 - + Thuế TTĐB được thu 1 lần vào khâu sản xuất, nhập khẩu hàng hoá hoặc kinh doanh dịch vụ. Đây là loại thuế tiêu dùng một giai đoạn.
 - + Thuế TTĐB có mức động viên cao, thường được thu với mức thuế suất cao hơn so với thuế tiêu dùng thông thường.
 - + Danh mục hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB không nhiều và thay đổi tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội và mức sống của dân cư.

- Mục đích:
- + Tạo nguồn thu cho NSNN.
- + Hướng dẫn, điều tiết sản xuất và tiêu dùng một số loại hàng hoá dịch vụ đặc biệt theo định hướng của nhà nước, nhằm loại trừ hay hạn chế những xu hướng sản xuất hay tiêu dùng không có lợi cho nền kinh tế.
- + Điều tiết lại một phần thu nhập trong xã hội, giảm bớt sự chênh lệch quá lớn trong thu nhập và tiêu dùng xã hội.

Câu 2: Đặc điểm của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB? Đối tượng chịu thuế TTĐB?

- Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB có các đặc điểm chính:
 - Chủ yếu dành cho những người có thu nhập cao (những hàng hóa, dịch vụ này còn gọi là xa xỉ phẩm).
Vd: xe ô tô dưới 24 chỗ, tàu bay, du thuyền (sử dụng cho mục đích dân dụng),...
 - Không có lợi cho nền kinh tế, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của con người, gây ra các tệ nạn tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến xã hội.
Vd: rượu, bia, thuốc lá, bài lá, casino,...
- Đối tượng chịu thuế TTĐB:
 1. Hàng hoá:
 - Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm;
 - Rượu;
 - Bia;
 - Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ 2 hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;
 - Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm³;
 - Tàu bay, du thuyền (sử dụng cho mục đích dân dụng);
 - Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng;
 - Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;
 - Bài lá;
 - Vàng mã, hàng mã.
 2. Dịch vụ:
 - Kinh doanh vũ trường;
 - Kinh doanh mát-xa, karaoke;
 - Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot, máy slot và các loại máy tương tự;
 - Kinh doanh đặt cược;
 - Kinh doanh gôn bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;
 - Kinh doanh xổ số.

Câu 3: Đối tượng không phải chịu thuế TTĐB được quy định như thế nào?

1. Hàng hoá do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, uỷ thác cho cơ sở kinh doanh khác để XK;
2. Hàng hoá nhập khẩu bao gồm:

- a. Hàng viện trợ nhân đạo, quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, cho cá nhân theo mức quy định;
- b. Hàng hoá vận chuyển quá cảnh hoặc hàng hoá chuyển khẩu theo quy định của chính phủ;
- c. Hàng tạm NK, tái XK và tạm XK, tái NK;
- d. Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao, hàng NK để bán miễn thuế theo quy định;
3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách;
4. Các loại xe ô tô theo thiết kế của nhà sản xuất được sử dụng làm xe cứu thương, xe chuyên chở phạm nhân; xe truyền hình lưu động; xe chạy trong khu vui chơi giải trí không đăng kí lưu hành và không tham gia giao thông và các loại xe chuyên dụng;
5. Hàng hoá nhập khẩu nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hoá từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hoá được mua bán giữa khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ;
6. Nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác dùng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm (trừ xăng) do cơ sở kinh doanh trực tiếp NK hoặc mua trực tiếp của cơ sở sản xuất bán ra.

Câu 4: Đối tượng nộp thuế TTĐB được quy định như thế nào?

Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hoá thuộc diện chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB.

Câu 5: Trình bày công thức xác định thuế TTĐB?

Căn cứ tính thuế TTĐB là giá tính thuế TTĐB của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB và thuế suất thuế TTĐB:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

- a. Đối với hàng trong nước:

Giá tính thuế TTĐB = giá bán chưa có thuế GTGT / (1 + Thuế suất thuế TTĐB)

- b. Đối với hàng nhập khẩu:

Giá tính thuế TTĐB = giá tính thuế NK + thuế NK

Câu 6: Giá tính thuế TTĐB được quy định như thế nào? (trình bày 5 trường hợp cơ bản nhất).

Giá tính thuế TTĐB của hàng hoá, dịch vụ là giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ của cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) và thuế giá trị gia tăng, được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hoá sản xuất trong nước, giá tính thuế TTĐB được xác định:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế BVMT (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Trong đó, giá bán chưa có thuế GTGT được xác định theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, thuế BVMT xác định theo pháp luật về thuế BVMT.

2. Đối với hàng nhập khẩu:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \text{giá tính thuế NK} + \text{thuế NK}$$

Giá tính thuế NK được xác định theo các quy định của luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hoá được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

3. Đối với hàng hoá chịu thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB là giá chưa có thuế GTGT, thuế BVMT (nếu có), chưa có thuế TTĐB và không loại trừ giá trị vỏ bao bì.
4. Đối với hàng hoá gia công, giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hoá bán ra của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm bán hàng chưa có thuế GTGT, thuế BVMT và chưa có thuế TTĐB.
5. Đối với hàng hoá bán theo phương thức trả góp, trả chậm, giá tính thuế TTĐB là giá ban chưa có thuế GTGT, thuế BVMT (nếu có) và chưa có thuế TTĐB của hàng hoá bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm.

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Câu 1: Khái niệm, đặc điểm của thuế GTGT?

- Khái niệm: thuế GTGT là thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.
- Đặc điểm: thuế GTGT là sắc thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn. Thuế GTGT đánh vào tất cả giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh nhưng chi phí tính trên phần GTGT ở mỗi giai đoạn. Tổng số thuế thu được ở tất cả các giai đoạn đúng bằng số thuế tính theo giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Câu 2: Đối tượng chịu thuế GTGT? Đối tượng nộp thuế GTGT?

- Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định.
- Đối tượng nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (gọi là người nhập khẩu).

Câu 3: Giá tính thuế GTGT được quy định như thế nào? (trình bày 5 trường hợp cơ bản nhất). Thời điểm để xác định giá tính thuế GTGT?

❖ Giá tính thuế GTGT:

1. Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hoá chịu thuế BVMT là giá bán đã có thuế BVMT nhưng chưa có thuế GTGT; đối với hàng hoá vừa chịu thuế TTĐB, vừa chịu thuế BVMT là giá bán đã có thuế TTĐB, thuế BVMT nhưng chưa có thuế GTGT.
 2. Đối với hàng hoá nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế TTĐB (nếu có), cộng với thuế BVMT (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.
 3. Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương, là giá tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.
 4. Giá tính thuế đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng nội bộ.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng phục vụ hoạt động kinh doanh là giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cùng loại

hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh việc tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ đối với hoá đơn GTGT xuất tiêu dùng nội bộ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

- Hàng hoá luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh không phải tính, nộp thuế GTGT.

5. Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng 0; trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, nộp thuế như hàng hoá, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.

❖ Thời điểm để xác định giá tính thuế GTGT:

- Đối với hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Câu 4: Thuế GTGT có mấy mức thuế suất? Những nhóm hàng hoá, dịch vụ chủ yếu áp dụng đối với mỗi mức thuế suất?

- Có 3 mức thuế suất: 0%, 5%, 10%.

• Thuế suất 0% : áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% theo quy định.

• Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ sau:

+ Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

+ Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

+ Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường.

+ Thiết bị, dụng cụ y tế

+ Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập.

• Mức thuế suất 10%:

+ In các loại

+ Than đá, đất, đá, cát, sỏi.

+ Máy xử lý dữ liệu tự động và các bộ, phận phụ tùng của máy.

+ Hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý.

+ Đồ điện dân dụng như tivi, đầu video,...

Câu 5: Trình bày nội dung phương pháp tính trực tiếp trên GTGT?

a. Đối với hoạt động chế tác, mua, bán vàng, bạc, đá quý:

Thuế GTGT phải nộp = GTGT của vàng, bạc, đá quý × thuế suất thuế GTGT (10%)

Trong đó:

GTGT của vàng, bạc, đá quý = Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra – Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng

- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.

- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.

b. Đối với các trường hợp khác:

- Thuế GTGT phải nộp = Doanh thu × Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu**
- Đối tượng áp dụng:
 - Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng.
 - Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập.
 - Hộ, cá nhân kinh doanh.
 - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.
 - Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã.
 - Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau:
 - Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%
 - Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%
 - Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%
 - Hoạt động kinh doanh khác: 2%
 - Doanh thu để tính thuế GTGT là tổng số tiền bán hàng hoá, dịch vụ thực tế ghi trên hoá đơn bán hàng đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.
- c. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán:
- Thuế GTGT phải nộp = Doanh thu ấn định × Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu**

Câu 6: Trình bày đối tượng áp dụng và cách tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế?

1. Đối tượng áp dụng: phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ bao gồm:
 - Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp.
 - Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp.
 - Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay.
2. Cách tính thuế:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Số thuế GTGT đầu ra} - \text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$
 - a. Số thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn GTGT.

$$\text{Thuế GTGT ghi trên hoá đơn} = \text{Giá tính thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$
 Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hoá, dịch vụ phải tính và nộp thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán. Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.

a. Thuế GTGT đầu vào bằng tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, số thuế GTGT ghi trên chứng từ nộp thuế của hàng hoá nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của bộ tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào là loại được dùng chứng từ đặc thù ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì cơ sở được căn cứ vào giá đã có thuế, giá chưa có thuế và thuế GTGT đầu vào.

Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định theo nguyên tắc, điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

Câu 7: Điều kiện và nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào được quy định như thế nào? (trình bày 3 điều kiện và 3 nguyên tắc cơ bản nhất).

❖ Nguyên tắc khấu trừ thuế:

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ hình thành tài sản cố định là nhà ăn ca, nhà nghỉ giữa ca, phòng thay quần áo, nhà để xe, nhà vệ sinh, bể nước phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp được khấu trừ toàn bộ.

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sx, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT.

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá mà doanh nghiệp sử dụng để cho, biếu, tặng, khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức, phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ.

❖ Điều kiện khấu trừ:

- Có hoá đơn GTGT hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của bộ tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

- Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hoá đơn dưới 20 triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

- Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ điều kiện và các thủ tục sau:

- + Hợp đồng bán hàng hoá, gia công hàng hoá, cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- + Tờ khai hải quan đối với hàng hoá đã làm xong thủ tục hải quan.
- + Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng.

Câu 8: Sự khác nhau giữa hàng hoá không chịu thuế GTGT và hàng hoá chịu thuế GTGT thuế suất 0%?

	Không chịu thuế GTGT	Chịu thuế GTGT thuế suất 0%
Giống nhau	Thuế GTGT đầu ra = 0 (không phải nộp)	Thuế GTGT đầu ra = 0 (vì $a \times 0\% = 0$)
Khác nhau	Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và không được hoàn lại.	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và được hoàn lại.

Câu 9: Trình bày nội dung 4 trường hợp hoàn thuế GTGT phổ biến nhất?

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo; trường hợp lũy kế sau ít nhất 12 tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc sau ít nhất 4 quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết mà vẫn còn số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.
2. Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm.
trường hợp, nếu số thuế GTGT lũy kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.
3. Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.
Cơ sở kinh doanh trong tháng/quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ bán trong nước thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT cho hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên.
4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Câu 1: Khái niệm, mục đích của thuế TNDN?

- Khái niệm: thuế TNDN là loại thuế trực thu tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.
- Đặc điểm:
- + Thuế TNDN là thuế trực thu, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế nên chỉ khi các doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (lợi nhuận xác định theo luật thuế TNDN) mới phải nộp thuế TNDN.

- + Thuế TNDN là thuế khấu trừ trước thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập mà cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư như: lợi tức cổ phần, lợi nhuận do góp vốn liên doanh liên kết là phần thu nhập được chia sau khi nộp thuế TNDN.
- + Thuế TNDN là thuế trực thu song không gây phản ứng mạnh mẽ bằng thuế TNCN.

Câu 2: Đối tượng nộp thuế TNDN được quy định như thế nào?

1. Người nộp thuế TNDN là tổ chức hạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:
 - a. Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - b. Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập trong tất cả các lĩnh vực.
 - c. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo luật hợp tác xã.
 - d. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
 - e. Tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá hoặc dịch vụ và có thu nhập chịu thuế.
2. Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nộp thuế TNDN theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Câu 3: Căn cứ tính thuế TNDN? Kỳ tính thuế TNDN? Công thức xác định thuế TNDN?

- a. Căn cứ tính thuế: Là thu nhập tính thuế và thuế suất.
- b. Kỳ tính thuế TNDN:

Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Kỳ tính thuế đầu tiên đối với doanh nghiệp mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

- c. Công thức xác định thuế TNDN:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left| \begin{array}{l} \text{Thu nhập tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KH\&CN (nếu có)} \end{array} \right| \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$$

Câu 4: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được quy định như thế nào? Thời điểm xác định doanh thu?

1. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- a. Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế là doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT.
- b. Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT là doanh thu bao gồm cả thuế GTGT.
- c. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được

xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế TNDN phải nộp của số năm thu tiền trước chia cho số năm thu tiền trước.

2. Thời điểm xác định doanh thu:

- a. Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua.
- b. Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.
- c. Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

Câu 5: Nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Câu 6: Thế nào là lỗ và chuyển lỗ trong luật thuế TNDN?

- Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang.
- Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập (thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo. thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, nếu số lỗ phát sinh chưa chuyển hết thì sẽ không được chuyển vào thu nhập của các năm tiếp sau.

Câu 7: Thuế suất thuế TNDN được quy định như thế nào?

1. Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế TNDN là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 phần này và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi.
2. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam (kể cả hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp) hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất 20%.
3. Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam từ 32% đến 50%. thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ tài nguyên quý hiếm (bạch kim, vàng, bạc, thiếc,... trừ dầu khí) áp dụng thuế suất 50%; trường hợp các mỏ tài nguyên quý hiếm có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế TNDN áp dụng thuế suất thuế TNDN 40%.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách, ... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com